

LỰC LƯỢNG THỨ BA TRONG PHONG TRÀO ĐÔ THỊ MIỀN NAM VIỆT NAM TỪ SAU HIỆP ĐỊNH PARIS (27-1-1973) ĐẾN ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

HOÀNG CHÍ HIẾU*

1. Một số quan điểm về lực lượng thứ Ba

Trong tiến trình của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), ở miền Nam Việt Nam đã xuất hiện một lực lượng chính trị đối lập với chính quyền Sài Gòn và có xu hướng hòa bình, trung lập. Gồm nhiều thành phần và có những hoạt động khá phong phú, lực lượng này đã góp phần nhất định làm dấy lên phong trào đấu tranh tại các đô thị miền Nam, làm đảo lộn hậu phương của chính quyền Sài Gòn cũng như các chính sách của Mỹ ở Việt Nam. Tuy vậy, đến nay vẫn còn có những cách hiểu khác nhau về lực lượng này.

Trên cơ sở khảo sát về quá trình xuất hiện của lực lượng thứ Ba (qua các mốc: 1955, 1960, 1963, 1965, 1969, 1972, 1973-1974) cùng những nhận định đương thời về lực lượng này (1), Armando Malay, Jr. Price khẳng định phong trào này được nhiều người xác định là trung lập nhưng không có nhà lãnh đạo nào của lực lượng thứ Ba thực sự là “*trung lập*” ngay từ đầu, khi người đó đã cẩn thận tránh liên hệ với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam hoặc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam hoặc

chính quyền Việt Nam Cộng hòa hoặc Hoa Kỳ. Hơn nữa, với sự phát triển của phong trào trong bối cảnh cuộc đấu tranh ngày càng quyết liệt giữa lực lượng thứ nhất (chính quyền Sài Gòn - TG) và lực lượng thứ hai (cách mạng - TG), đã xảy ra sự phân cực rõ rệt về các khuynh hướng trong lực lượng thứ Ba: một bên không giữ vững lập trường về “giải pháp thứ ba” và từ bỏ việc chống đối Nguyễn Văn Thiệu; bên kia khẳng định lại lập trường chống Mỹ, chống Thiệu đến mức gần như không thể phân biệt được quan điểm của họ với lập trường của những người cộng sản (2).

Theo Edwin E. Moïse, lực lượng thứ Ba để chỉ các nhà hoạt động không cộng sản cũng như đối lập với chính quyền Sài Gòn. Người ta thường cho rằng lực lượng thứ Ba có thể đưa ra giải pháp cho vấn đề cuộc chiến tranh Mỹ đang tiến hành ở Việt Nam (3).

Theo Sophie Quinn-Judge's, lực lượng thứ Ba được dùng để chỉ những cá nhân và nhóm trong nền chính trị Nam Việt Nam, những người được cho là không phải Cộng sản hay chống Cộng và ủng hộ một giải pháp hòa bình cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Những cá nhân liên quan đến khuynh hướng chính trị này có tư tưởng đa

*PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

dạng: một số phản đối sự phân biệt thái độ chính trị dựa trên các giá trị nhân đạo, dân tộc chủ nghĩa hoặc tôn giáo; những người khác chỉ đơn giản là phản đối chiến tranh và sự can thiệp của nước ngoài; một số người có cảm tình hoặc thậm chí là đảng viên Cộng sản; nhiều người là cựu quan chức hoặc đang đương nhiệm của chính quyền Sài Gòn; một số lượng đáng kể là những người theo tôn giáo và sinh viên đại học; nhiều người khác là những chuyên gia có tên tuổi; nhiều người có tham vọng chính trị và hi vọng trở thành những chính trị gia thành công trong một nền dân chủ (4).

Về phía cách mạng, lần đầu tiên tên gọi lực lượng thứ Ba xuất hiện trong *Điện của Bộ Chính trị gửi anh Bảy Cường* (đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam), ngày 11-2-1969, trong đó Bộ Chính trị chỉ đạo Trung ương Cục miền Nam “đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng ở các thành thị đòi hòa bình, thúc đẩy việc hình thành và lập mặt trận thứ ba gồm những lực lượng đứng giữa các xu hướng yêu nước chân chính và bọn tay sai phản động cực đoan của Mỹ” (5). Tiếp theo, trong Điện gửi Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy khu 5 và Khu ủy Trị - Thiên (tháng 8-1972), Lê Duẩn viết: “Phải kịp thời tập hợp các phe, nhóm tán thành hòa bình, độc lập, dân chủ, hòa hợp dân tộc, hình thành lực lượng thứ Ba để phân hóa hơn nữa các thế lực phản động, cô lập và chĩa mũi nhọn vào Thiệu cùng các phần tử thân Mỹ hiếu chiến nhất” (6).

Tại Hội nghị Paris, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa đề nghị lực lượng thứ Ba là một thành phần trong chính phủ liên hiệp ba thành phần nhưng phía Mỹ và chính quyền Sài Gòn không chấp nhận. Dưới áp lực đấu tranh của ta, cuối cùng Hội nghị đi đến thống nhất thành

lập Hội đồng Quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau. Điều 12 của Hiệp định Paris quy định: “Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam sẽ hiệp thương trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính nhau để thành lập Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau... Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc có nhiệm vụ đôn đốc hai bên miền Nam Việt Nam thi hành hiệp định này, thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ sau khi ngừng bắn, lập lại hòa bình ở miền Nam Việt Nam” (7). Với quy định này, lực lượng thứ Ba được chính thức công nhận là một thành phần trong tiến trình hòa giải, hòa hợp dân tộc ở miền Nam Việt Nam.

Như vậy, dù có những nhận thức khác nhau, nhất là về thành phần và xu hướng chính trị, nhưng đa phần đều thống nhất quan điểm ngoài chính quyền Sài Gòn và Chính phủ Cách mạng lâm thời, những cá nhân và tổ chức là người Việt Nam, ở trong hay ngoài nước nhưng tán thành hòa bình và hòa giải dân tộc đều được coi là lực lượng thứ Ba.

2. Những hoạt động nổi bật của lực lượng thứ Ba

2.1. Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris và chống chính quyền độc tài Nguyễn Văn Thiệu

Sau Hiệp định Paris, lực lượng thứ Ba nổi lên với nhiều phe nhóm và xu hướng chính trị khác nhau (8): “Những người thực sự có tinh thần dân tộc, mong muốn hòa bình, trung lập, hòa giải dân tộc và thực sự muốn chấm dứt chiến tranh. Những người cơ hội, “đón gió” tạo thế xuất hiện trên chính trường với tham vọng cá nhân. Số tay sai của Mỹ và các thế lực “ngoại bang” còn giấu mặt, đóng vai lực lượng thứ Ba để

thực hiện mưu đồ của chủ khi cần thiết và được sự tài trợ của chủ” (9).

Nhằm hạn chế ảnh hưởng của lực lượng thứ Ba, Nguyễn Văn Thiệu tìm cách xuyên tạc, đi đến phủ nhận vai trò của chính phủ liên hiệp, qua đó loại trừ lực lượng này ra khỏi đời sống chính trị miền Nam Việt Nam. Tài liệu Tuyên vận của chính quyền Sài Gòn tuyên truyền “*chiến thắng*” của Việt Nam cộng hòa ở Hội nghị Paris, phần về việc thành lập Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần, viết: “Chúng ta vẫn duy trì lập trường là chống đối việc thành lập bất cứ chính phủ ba thành phần hay bốn thành phần mà Cộng sản đề nghị trước đây. Nhưng theo Hiệp định Paris thì ngay sau khi cuộc ngừng bắn có hiệu lực, chính phủ Việt Nam cộng hòa và cái tổ chức gọi là Mặt trận giải phóng phải thương lượng để thành lập một Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc với ba thành phần ngang nhau, với mục đích tổ chức tổng tuyển cử. Mặc dù Hội đồng này gồm ba thành phần ngang nhau, nhưng không có điều khoản nào ghi rõ rằng các thành phần đó là thành phần nào, số lượng bao nhiêu và được bầu cử ra sao” (10). Rõ ràng với luận điệu này, chính quyền Sài Gòn công khai phủ nhận vai trò của lực lượng thứ Ba và việc thành lập một chính phủ ba thành phần.

Đối với những thành phần tích cực trong lực lượng thứ Ba, Nguyễn Văn Thiệu tìm cách cô lập, hạn chế dần ảnh hưởng của họ trong quần chúng. Mặt khác, chúng vẫn tiếp tục giam cầm một số nhân vật đối lập như Luật sư Ngô Bá Thành. Thậm chí, biện pháp khủng bố cũng được áp dụng. Ngày 12-10-1973, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố: “Những kẻ nào có gan tự xưng mình là trung lập hoặc

thân cộng sản, người đó sẽ không sống sót được quá năm phút” (11).

Trong quá trình vận động, nhiều nhà hoạt động dần quy tụ xung quanh tướng Dương Văn Minh, như Lý Quý Chung, Nguyễn Hữu Hạnh, Nguyễn Đình Đầu, Vũ Văn Mẫu, Huỳnh Bá Thành, Dương Văn Ba,... Tuy không có cơ sở sâu rộng trong quần chúng nhưng nhóm này thường xuyên có những tuyên bố đấu tranh, gây tiếng vang lớn. Ngày 5-4-1973, các thành viên của nhóm (gồm 7 nghị sĩ, 31 dân biểu, 10 luật sư, giáo sư, kỹ sư và tướng lĩnh) đã gửi thư cho Tổng thống Nixon, Chủ tịch Thượng và Hạ nghị viện Mỹ, yêu cầu Mỹ thúc đẩy các bên áp dụng Điều 11 Hiệp định Paris (12). Ngày 1-5-1973, trả lời phỏng vấn của Tạp chí *Độc lập*, Dương Văn Minh nhận định phần lớn các điều khoản của Hiệp định Paris đã không được thi hành, ngoại trừ 2 điều được thực hiện khá trọn vẹn là việc triệt thoái quân đội nước ngoài và phóng thích tù binh Hoa Kỳ (13). Tiếp đó, Dương Văn Minh kêu gọi các bên “thi hành nghiêm chỉnh và kiểm soát hữu hiệu theo đúng các điều khoản của Hiệp định Paris và các Nghị định thư, các quyền tự do dân chủ phải được đảm bảo, tất cả các tù dân sự và tù chính trị phải được trả tự do” (14). Giữa tháng 5-1973, 5 nghị sĩ và 28 dân biểu (nhóm thân Dương Văn Minh và Phật giáo Ấn Quang) lên án gay gắt chính quyền đã vi phạm những quy định của Hiến pháp và Hiệp định Paris liên quan đến quyền tự do công dân. Ngoài ra, nhóm dân cử này cũng tố cáo Nguyễn Văn Thiệu có “ý định nhằm làm suy yếu lực lượng thứ Ba” (15). Ngày 4-6-1973, Dương Văn Minh ra tuyên bố, đòi hỏi hai bên miền Nam trả tự do tức khắc cho tù chính trị và đòi Nguyễn Văn Thiệu “hủy bỏ mọi sắc luật và mọi biện pháp xúc phạm đến những quyền tự do căn

bản của con người, những gì ngược lại với Điều 11 của Hiệp định Paris” (16).

Ngày 5-10-1973, lực lượng thứ Ba công khai ra mắt nhân dân miền Nam và báo chí quốc tế dưới hình thức một cuộc “chiêu đãi” tại khách sạn Continental (Sài Gòn), do bà dân biểu Kiều Mộng Thu tổ chức để “chào mừng bà Ngô Bá Thành ở tù về”. Bất chấp lệnh cấm của chính quyền Sài Gòn, buổi lễ vẫn được tiến hành với sự tham dự của khoảng 100 người. Tại buổi lễ, bà Ngô Bá Thành đọc diễn văn bày tỏ quan điểm chính thức của lực lượng thứ Ba trong tình hình mới và kêu gọi “hai bên miền Nam Việt Nam tôn trọng thành phần thứ Ba ngang nhau vì đó là một thực thể chính trị” (17). Từ đây, lực lượng thứ Ba nhanh chóng phát triển, với sự xuất hiện của nhiều tổ chức mới.

Tại phiên họp thứ 41 ngày 15-2-1974 với phái đoàn chính quyền Sài Gòn tại La Celle-Saint-Cloud (Pháp), Trưởng phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là Nguyễn Văn Hiếu đã khẳng định: “Lực lượng chính trị thứ Ba bao gồm những tổ chức và cá nhân thuộc các xu hướng chính trị tôn giáo không đứng về bên nào và tán thành Hiệp định, hiện ở miền Nam hoặc ở nước ngoài là một thực thể tồn tại và không ngừng phát triển. Trong năm qua, chính quyền Sài Gòn đã dùng trăm phương ngàn kế hòng phủ nhận, tăng cường, o ép và đàn áp lực lượng thứ Ba. Họ chẳng những tiếp tục giam giữ nhiều người mà còn bắt thêm nhiều người khác thuộc lực lượng này. Nhưng lực lượng thứ ba vẫn tích cực hoạt động và góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân cho hòa bình, độc lập, dân chủ, hòa giải và hòa hợp dân tộc. Lực lượng đó phải có vai trò xứng đáng trong đời sống chính trị hiện nay và sau này ở miền Nam Việt Nam. Chính phủ Cách

mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đề nghị nhanh chóng thành lập Hội đồng Quốc gia hòa giải và Hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau... Đại diện thành phần thứ ba, sẽ được cử theo nguyên tắc lực lượng chính trị thứ ba có tiếng nói của mình, có vị trí độc lập và bình đẳng trong Hội đồng” (18).

Ở Sài Gòn, ngày 14-2-1974, *Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris* (tiên thân là *Lực lượng quốc gia tiến bộ*) thành lập, do Luật sư Trần Ngọc Liễng làm Chủ tịch. Tham gia tổ chức này có nhiều nhân sĩ trí thức, tu sĩ các tôn giáo, đại diện các giới đồng bào, kể cả nhiều người là công chức, sĩ quan trong chính quyền Sài Gòn. Thành viên của tổ chức có: Ủy ban chống sa thải, Ủy ban chống đàn áp bất công, Mặt trận nhân dân cứu đói, Ủy ban bảo vệ các bạn hàng chợ, Ủy ban bảo vệ quyền lợi sinh viên, Ủy ban bảo vệ tự do báo chí,...

Ngày 18-8-1974, *Hội bảo vệ Nhân quyền và Dân quyền Việt Nam*, trong buổi ra mắt Chi hội ở Sài Gòn - Gia Định, đã quyết định thành lập Ủy ban Nhân quyền vận động hòa bình để “tích cực góp phần vào công cuộc vận động chung của dân tộc, thực hiện nhân quyền và dân quyền” (19). Ngày 18-9-1974, Ủy ban ra tuyên bố, tố cáo chính quyền Nguyễn Văn Thiệu tiếp tục bóp nghẹt các quyền tự do dân chủ: “Người dân sống dưới sức ép của thống trị, trên danh nghĩa là hạn chế mà trong thực tế là tước hết những quyền dân chủ của người dân. Những sắc luật thay thế các đạo luật thủ tiêu quyền tự do hoạt động chính trị, giết chết quyền tự do báo chí, đặt đời sống an ninh của dân chúng vào trong bất cứ một cấp bậc hành chính nào” (20).

Ở miền Trung, hàng năm chính quyền Sài Gòn phải hỗ trợ vận chuyển lúa gạo ở miền Nam ra. Tuy nhiên, do nạn tham nhũng trầm kha của bộ máy quan chức nên

năm 1974 đã xảy ra “nạn đói miền Trung”. Để góp phần khắc phục nạn đói và tập hợp lực lượng tham gia đấu tranh chống Nguyễn Văn Thiệu, ngày 22-9-1974, *Mặt trận Nhân dân cứu đói* được thành lập, do Đại đức Thích Hiển Pháp làm Chủ tịch, Linh mục Phan Khắc Từ làm Phó chủ tịch và dân biểu Nguyễn Văn Hàn làm Tổng thư ký. Mặt trận thu hút nhiều thành phần có ảnh hưởng trong nhân dân tham gia, như Tổng vụ trưởng vụ Cư sĩ Giáo hội Phật giáo thống nhất, Thượng tọa Thích Quảng Long, Ni sư Huỳnh Liên, các dân biểu Kiều Mộng Thu, Hồ Ngọc Nhuận, Giáo sư Lý Chánh Trung, Luật sư Ngô Bá Thành,... Tại buổi ra mắt, *Mặt trận Nhân dân cứu đói* khẳng định “chiến tranh từ 20 năm, nền kinh tế lệ thuộc, đồng bạc mất giá hàng tuần, thuế khóa nặng nề, gian thương tham nhũng” (21) là nguyên nhân dẫn đến nạn đói của đồng bào miền Nam. Mặt trận nêu rõ muốn cứu đói thì phải “đòi hỏi hòa bình, đòi hỏi công bằng, chống tham nhũng, chống gian thương” (22). Bà Ngô Bá Thành tố cáo việc Mỹ can thiệp vào miền Nam đã tạo nên cảnh chết chóc và làm cho nhân dân Việt Nam đói khổ. Quyết liệt hơn, dân biểu Kiều Mộng Thu còn trích máu viết thư đòi Nguyễn Văn Thiệu từ chức nếu không đem lại cơm no áo ấm cho đồng bào (23).

Ngày 31-10-1974, 44 nghị sĩ và dân biểu đã đồng ký tên vào bản kiến nghị lên án Nguyễn Văn Thiệu “tự bịt tai, bịt mắt, dùng biện pháp đàn áp báo chí, bóp nghẹt tự do dân chủ và các nhân quyền căn bản đã được Hiến pháp minh định, để ngăn cản người dân không được tự do phát biểu ý kiến” (24). Bản kiến nghị cũng chỉ rõ đời sống của nhân dân miền Nam “chưa bao giờ cơ cực như hiện nay, với nạn lạm phát phi mã và sự phá giá kinh khủng của đồng bạc” mà nguyên nhân là do “kết quả của

một chính sách độc diễn, độc tài, đảng trị, kéo bè phái để xây dựng một nền dân chủ giả tạo, từ thượng tầng đến thôn ấp, không đại diện quyền lợi cho dân và không bảo vệ quyền lợi của dân” (25). Kết thúc bản kiến nghị, các nghị sĩ và dân biểu kêu gọi Nguyễn Văn Thiệu “hãy nghe lời kêu gọi thiêng liêng của sông núi và của dân tộc, đừng kéo dài vô ích thảm cảnh hiện tại, hãy tự xử bằng cách tổ chức ngay cuộc Tổng tuyển cử ngũ hâu quốc dân có thể tự do chọn lựa một vị lãnh đạo xứng đáng trong hoàn cảnh và giai đoạn lịch sử này” (26).

Ngày 26-1-1975, 18 đoàn thể chính trị (Lực lượng hòa giải dân tộc, Phong trào nhân dân chống tham nhũng, Hội chủ báo, Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris, Ủy ban vận động cải thiện chế độ lao tù,...) ký chung một bản kiến nghị đòi Mỹ chấm dứt viện trợ cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và lên án Nguyễn Văn Thiệu “là một cản trở cho hòa bình và cho sự hòa giải hòa hợp dân tộc, cũng như cho sự thi hành Hiệp định Paris” (27), đồng thời đòi Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức.

Ngày 1-2-1975, 23 tổ chức (Phong trào nhân dân chống tham nhũng, Hội đồng lãnh đạo tranh đấu đòi tự do báo chí và xuất bản, Lực lượng Luật sư tranh đấu, Lực lượng sinh viên, học sinh, các chính đảng và đoàn thể nhân dân,...) công bố chung một bản cáo trạng, tố cáo Nguyễn Văn Thiệu sau 8 năm cầm quyền “đã đưa xã hội miền Nam tới vực thẳm mạt vong, ông đã nuôi dưỡng và kéo dài chiến tranh bất tận” (28). Bản cáo trạng chỉ rõ: “Còn ông Thiệu, không thể có hòa bình, vì ông là sản phẩm của chiến tranh, tăng trưởng bằng chiến tranh, tồn tại bằng chiến tranh” (29). Vì vậy, thay mặt toàn thể nhân dân miền Nam, những tổ chức này đòi Thiệu phải từ chức.

2.2. Nắm chính quyền và góp phần kết thúc chiến tranh

Thực hiện chủ trương và kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị, ngày 4-3-1975, Quân giải phóng bắt đầu đòn tiến công chiến lược Tây Nguyên, mở đầu cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Sau khi Tây Nguyên rơi vào tay Quân giải phóng, tại Sài Gòn, không những các nhân vật thuộc phe đối lập mà những người thuộc phe ôn hòa cũng yêu cầu Nguyễn Văn Thiệu rời bỏ chính quyền. Tuy nhiên, Nguyễn Văn Thiệu vẫn cố bám quyền lực. Cho đến khi “cánh cửa thép” Xuân Lộc bị xé toang trước sức tấn công của Quân giải phóng, ngày 21-4-1975, Nguyễn Văn Thiệu mới chịu từ chức. Sau khi lên thay, Trần Văn Hương tuyên bố: “Không có cách gì hơn là chúng ta cứ việc chiến đấu đến cùng... Chừng đó, dầu Sài Gòn này sẽ biến thành một biển máu... chúng ta sẽ cùng nước Việt Nam này (tức chế độ Sài Gòn) mà chết, chớ không thể đầu hàng được” (30). Trong lúc đó, cựu Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ có những cuộc tiếp xúc với các tướng lĩnh, ráo riết vận động nhằm nắm giữ quân đội, thực hiện “tử thủ” nếu Sài Gòn bị Quân giải phóng tấn công (31).

Để ngăn chặn âm mưu này, các dân biểu đối lập trong Ban Trí vận Mặt trận - Khu ủy Sài Gòn - Gia Định đã tố cáo Trần Văn Hương âm mưu kéo dài chiến tranh và đòi hạ bệ Trần Văn Hương. Nhiệm vụ của cơ sở nằm vùng lúc này là tìm một nhân vật vừa được Mỹ ủng hộ vừa tán thành hòa bình để thay thế Trần Văn Hương. Trong hoàn cảnh này, đối tượng tỏ ra thích hợp nhất là Dương Văn Minh. Các cán bộ tình báo, điệp báo, binh vận và trí vận như kỹ sư Tô Văn Cang, thẩm phán Triệu Quốc Mạnh, nhà báo Huỳnh Bá Thành, Nguyễn Văn Cước,...; những người gần gũi cách mạng hoặc cơ sở của Ban Trí vận như Luật sư Trần Ngọc

Liễn, Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Luật sư Ngô Bá Thành, nguyên Phó Chủ tịch Hạ viện Sài Gòn Hồ Văn Minh, nhiều dân biểu đối lập,... đều nhất trí ủng hộ phương án Dương Văn Minh nhận làm tổng thống để chấm dứt chiến tranh. Những nhân vật cốt cán và cảm tình cách mạng hoạt động trong “nhóm Dương Văn Minh” như Huỳnh Bá Thành, Dương Văn Ba và Lý Quý Chung đã cùng nhau thảo tuyên cáo chống chính phủ Trần Văn Hương, tố cáo ông ta là tay sai Mỹ, lập một “chính phủ Thiệu không có Thiệu”. Bản Tuyên cáo được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp và in ronéo phân phát cho báo chí Sài Gòn. Việc làm này đã gây chấn động dư luận, tạo cho Dương Văn Minh một thế đứng chính trị, công khai làm chỗ dựa cho lực lượng thứ Ba và cơ sở cách mạng trong chính quyền Sài Gòn, đồng thời cũng gây áp lực với Mỹ để buộc Washington nhanh chóng buộc Trần Văn Hương phải chuyển giao quyền lực. Tuy nhiên, Trần Văn Hương cố bám ghế tổng thống bằng cách tuyên bố chỉ ra đi khi quốc hội đồng ý. Như vậy, cuộc đấu tranh nhằm đẩy Trần Văn Hương ra khỏi dinh Độc Lập đã hướng sang quốc hội.

Ngày 26-4, Quốc hội Sài Gòn được triệu tập để nghe tình hình quân sự và quyết định người thay thế Trần Văn Hương. Mặc dù, các đại biểu đều biết mục đích phiên họp là đưa Dương Văn Minh lên thay Trần Văn Hương nhưng cuộc thảo luận có lúc dầm chân tại chỗ và rơi vào bế tắc do sự chống đối của những dân biểu, nghị sĩ thân Nguyễn Văn Thiệu nắm đa số trong cả Thượng nghị viện lẫn Hạ nghị viện. Số này lo sợ nếu phe Dương Văn Minh lên cầm quyền một mặt sẽ trả thù họ, mặt khác việc này sẽ khiến Quân giải phóng vào Sài Gòn nhanh hơn và họ không kịp di tản ra nước ngoài. Nắm được tâm lý đó, dân biểu Lý Quý Chung với tư cách đại diện cho Dương

Văn Minh đã khẳng định: “*Thứ nhất*, sẽ không có ai trong phe thân chính quyền bị trả thù vì hoạt động ủng hộ Thiệu hoặc chống phe đối lập. *Thứ hai*, những ai muốn rời khỏi Việt Nam thì sẽ được chính quyền mới cấp hộ chiếu ra đi chính thức” (32). Với những hoạt động của lực lượng thứ Ba trước và trong cuộc họp của Trường viện Sài Gòn đã góp phần đưa Dương Văn Minh chính thức lên làm tổng thống với số phiếu gần như tuyệt đối: 147/151 phiếu.

Cũng trong ngày 26-4, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra Tuyên bố khẳng định: “Phải xóa bỏ chính quyền Sài Gòn, công cụ của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, xóa bỏ bộ máy chiến tranh và bộ máy kềm kẹp và đàn áp nhân dân hiện nay ở miền Nam Việt Nam” (33). Nhận xét về tuyên bố này, Frank Snepp cho rằng: “Hà Nội đòi chính phủ và quân đội Nam Việt Nam phải đầu hàng và kêu gọi lực lượng thứ Ba cùng với nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Dương Văn Minh thường được coi là người trung lập của lực lượng thứ Ba” (34).

Trong nội các Dương Văn Minh, cách mạng vận động đưa người của mình hoặc ít ra là những người có xu hướng trung lập vào nắm các chức vụ quan trọng trong quân đội, cảnh sát và chính quyền, để góp phần làm chính quyền Sài Gòn từ mất hiệu lực đến nhanh chóng tan rã. Luật sư Nguyễn Văn Huyền (trí thức Công giáo) làm Phó Tổng thống, Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu giữ chức Thủ tướng, Lý Quý Chung làm Bộ trưởng Bộ Thông tin, Thẩm phán Triệu Quốc Mạnh nắm Giám đốc Nha Cảnh sát Đô thành, Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh giữ chức Phụ tá Tổng Tham mưu trưởng Sài Gòn. Đối với Bộ Quốc phòng, Dương Văn Minh đã mời một nhân vật trong Lực lượng hòa giải dân tộc thuộc ảnh hưởng Phật giáo Ấn Quang - ông Bùi Tường Huân

(Giáo sư Đại học Huế) - giữ chức Bộ trưởng. Lí giải về vấn đề này, Dương Văn Minh giải thích: “Chính phủ của mình đâu có mục đích tiếp tục chiến tranh. Một Bộ trưởng dân sự và là một giáo sư đại học làm Bộ trưởng quốc phòng thể hiện cụ thể ý muốn hòa bình của anh em mình” (35).

Trong diễn văn nhậm chức, Dương Văn Minh chính thức công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời với đề nghị ngừng bắn và họp hội nghị hòa bình trong khuôn khổ của Hiệp định Paris, tuyên bố thả hết tù chính trị, yêu cầu quân đội bảo vệ phần lãnh thổ còn lại, thực hiện ngừng bắn khi có yêu cầu (36). Tiếp theo, ngay trong ngày 28-4, Dương Văn Minh đã gửi thư cho Đại sứ Mỹ Martin, yêu cầu cơ quan Tùy viên quân sự Mỹ phải rời khỏi Việt Nam trong vòng 24 giờ. Yêu cầu này khiến Martin hết sức bất ngờ và thất vọng, bởi “đó là một sáng kiến đại đột vì không còn bất kỳ sự có mặt nào của người Mỹ ở Nam Việt Nam trong lúc này có nghĩa là loại bỏ mọi kiểm chế còn lại đối với sự hiện diện của quân miền Bắc tại Nam Việt Nam” (37).

Bộ trưởng Bộ Thông tin Lý Quý Chung yêu cầu Đài phát thanh Sài Gòn ngưng phát những bài hát “chống Cộng” và lời kêu gọi binh sĩ tiếp tục chiến tranh. Đồng thời, trấn an tinh thần của một bộ phận nhân dân đang hoảng loạn khi Mỹ tung tin nếu Sài Gòn thất thủ, ở miền Nam sẽ có “tắm máu”, ông kêu gọi đồng bào bình tĩnh, ở yên tại chỗ. Bên cạnh đó, sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm (nguyên Chủ tịch Tổng hội sinh viên Sài Gòn) cũng xuất hiện trên truyền hình với tư cách là một trí thức yêu nước, kêu gọi mọi người hãy ở lại.

Chiều ngày 29-4, Triệu Quốc Mạnh ra lệnh cho thuộc cấp khẩn trương làm hai việc quan trọng là vô hiệu hóa hệ thống cảnh sát và thả tù chính trị. Ông cho giải tán các F (tức tổ chức cảnh sát đặc biệt), bộ

chỉ huy cảnh sát quận và các cuộc cảnh sát (tổ chức cảnh sát ở cơ sở). Bộ máy kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn tan rã, tạo điều kiện cho đồng bào nội đô nổi dậy. Trước khả năng tù chính trị có thể bị giết hàng loạt bởi những thành phần “chống Cộng” cực đoan bị dồn vào thế chân tường, Triệu Quốc Mạnh đã “nhân danh Tổng thống” lệnh thả hết tù chính trị. Ở một diễn biến khác, nhằm tạo điều kiện cho Quân giải phóng vào Sài Gòn nhanh hơn trước âm mưu của những phần tử hiếu chiến, định phá các cầu ở phía Bắc thành phố, Nguyễn Hữu Hạnh ra lệnh không được phá cầu (38). Chính quyết định này đã giữ được các cầu như Rạch Chiếc, Sài Gòn,... tạo điều kiện để Quân giải phóng tiến nhanh vào thành phố.

Cùng thời điểm, phía chính quyền Dương Văn Minh cử đại diện đến tiếp xúc với đại diện Phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời trong Ban Liên hiệp tại trại David trong sân bay Tân Sơn Nhất. Theo yêu cầu của đại diện cách mạng, Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền cho soạn ngay tuyên bố chấp nhận mọi điều kiện Tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 26-4-1975 (39). 17 giờ ngày 29-4-1975, tuyên bố này được Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền đọc trên Đài phát thanh Sài Gòn và được phát đi phát lại nhiều lần.

8 giờ sáng 30-4-1975, Dương Văn Minh họp nội các chủ trương “*Tuyên bố thành phố bỏ ngõ*”, giao chính quyền lại cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. 9 giờ 30 phút sáng 30-4, Đài phát thanh Sài Gòn phát tuyên bố của Dương Văn Minh: “Đường lối, chủ trương của tôi là hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hòa giải người Việt

Nam để khỏi phí phạm xương máu người Việt Nam. Vì lẽ đó, tôi yêu cầu tất cả anh em chiến sĩ cộng hòa hãy bình tĩnh, ngưng nổ súng và ở đâu ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận bàn giao chính quyền trong vòng trật tự, tránh sự đổ máu vô ích cho đồng bào” (40). Với tư cách là Phụ tá Tổng Tham mưu trưởng thay mặt cho Trung tướng Vĩnh Lộc “*vắng mặt*” (đã đào nhiệm, di tản ra nước ngoài), Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh ra “*Nhật lệnh*” cho tư lệnh các quân đoàn, quân binh chủng, địa phương quân, nghĩa quân phải triệt để thi hành lệnh của Tổng thống Việt Nam cộng hòa thực hiện cuộc ngừng bắn, “*án binh bất động*” (41). Sau đó, các tuyên bố này đã liên tục phát đi phát lại nhiều lần nhằm ngăn chặn sự chống đối của những binh sĩ ngoan cố.

Nhìn trên toàn cục, sau những tuyên bố từ đầu não chính quyền, quân đội Sài Gòn 9 giờ 30 phút sáng ngày 30-4, trong bối cảnh các quân đoàn chủ lực Giải phóng đang tiến công thần tốc từ ngoài vào và nổi dậy của các lực lượng tại chỗ, trong đó đặc biệt là mũi tiến công binh vận, hầu hết các đơn vị còn lại của quân Sài Gòn trên chiến trường Đông Nam Bộ tê liệt hoặc tan rã, đa số lần lượt đầu hàng (42).

Trưa 30-4-1975, sau khi ta chiếm dinh Độc lập, theo yêu cầu của đại diện Quân giải phóng, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trên đài phát thanh. Tiếp đó, Vũ Văn Mẫu kêu gọi “tất cả các tầng lớp đồng bào vui vẻ chào mừng ngày hòa bình của dân tộc, và quay trở lại sinh hoạt bình thường. Các nhân viên của các cơ quan hành chính quay trở về vị trí cũ theo sự hướng dẫn của chính phủ cách mạng” (43). Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi.

3. Một số nhận xét

Một là, nhận thức về nguồn gốc và thành phần của lực lượng thứ Ba còn có những quan điểm khác nhau tùy theo từng thời điểm và cách tiếp cận. Nếu chỉ đơn thuần xem đó là thành phần trung lập, đứng giữa cách mạng và Mỹ cùng các thế lực tay sai thì lực lượng này xuất hiện khá sớm, ngay từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đặt trong sự đối đầu căng thẳng giữa hai phe Xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa trong cuộc Chiến tranh Lạnh và khuynh hướng không liên kết trên thế giới trỗi dậy từ giữa thập niên 1950 cũng như do sự hình thành ngày càng nhiều phe phái khác nhau ở miền Nam Việt Nam thì thành phần này ngày càng phức tạp. Tuy nhiên, điều có thể khẳng định là khá nhiều trong đó là những người yêu nước, có tinh thần dân tộc cao và đều chung quyết tâm chống lại sự xâm lược của Mỹ và lật đổ các chính quyền do Mỹ lập nên.

Hai là, do sự phức tạp về xu hướng và thành phần nên lực lượng thứ Ba dù chưa thực sự trở thành một tập hợp thống nhất nhưng có vai trò và đóng góp nhất định trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Từ chỗ ban đầu được nhìn nhận như chỉ là lực lượng đối lập với các chính quyền Sài Gòn, dần dần lực lượng thứ Ba được xem là một bộ phận trong phong trào đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tay sai, nghĩa là cùng mục đích với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Qua các văn bản chỉ đạo của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, ta có thể thấy Đảng Lao động Việt Nam nhận thức rất rõ vai trò ngày càng quan trọng của lực lượng này đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Do đó, việc Hiệp định Paris ghi nhận chính thức lực lượng này là một thành phần của Hội đồng quốc gia hòa giải dân tộc là một thắng lợi của hai phái đoàn ta tại bàn đàm phán.

Nó tạo nên vị thế hợp pháp và cơ sở pháp lý cho phong trào đấu tranh chính trị, nhất là tại các đô thị miền Nam.

Ba là, khi Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam, nguy cơ sụp đổ của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu luôn hiện hữu. Để tồn tại, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu càng đẩy mạnh thực hiện các chính sách đi ngược lại Hiệp định Paris cũng như khát vọng tự do, dân chủ và các quyền dân sinh của nhân dân miền Nam. Điều này càng tăng thêm sự đối lập của chính quyền này với quảng đại quần chúng. Hòa chung trong phong trào chung của nhân dân, lực lượng thứ Ba đã có nhiều hoạt động tích cực đòi chính quyền Nguyễn Văn Thiệu thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris, lập lại hòa bình, trả tự do cho tù chính trị, thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ. Ngoài ra, lực lượng này còn tấn công trực diện vào Nguyễn Văn Thiệu, khi vạch mặt bản chất độc tài, tham nhũng, hiếu chiến của Nguyễn Văn Thiệu bằng những bản tuyên bố và cáo trạng nảy lửa. Dù không hình thành một mặt trận chung song lực lượng thứ Ba đã bước đầu tập hợp được nhiều thành phần, giới và những cá nhân có vị trí nhất định trong xã hội miền Nam tham gia, làm cho chính trường Sài Gòn thêm “sôi động”, góp phần thúc đẩy phong trào đô thị phát triển. Qua lực lượng thứ Ba, dư luận trong nước và thế giới thêm hiểu hơn về chính sách tiếp tục chiến tranh của Mỹ và Việt Nam cộng hòa, từ đó càng làm cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu bị cô lập trên trường quốc tế.

Bốn là, góp phần vào thắng lợi nhanh chóng của chiến dịch Hồ Chí Minh, với một Sài Gòn hầu như nguyên vẹn, không thể không nhắc đến vai trò của lực lượng thứ Ba trong nỗ lực đưa Dương Văn Minh lên nắm quyền tổng thống Sài Gòn vào buổi hoàng hôn của chính trường miền Nam

Việt Nam và tác động để chính quyền này nhanh chóng đi đến quyết định đầu hàng. Như phát biểu tại cuộc Hội thảo kỷ niệm 35 năm thống nhất đất nước (1975-2010), do Bộ Quốc phòng và Thành ủy Hồ Chí Minh tổ chức ngày 20-4-2010, ông Nguyễn Hữu Hạnh nhấn mạnh: “Có người nói nhờ có 5 cánh quân đánh vào mà Sài Gòn không đổ nát. Tôi xác nhận, chúng tôi mong 5 cánh quân vào nhanh bởi chúng tôi đã tung hết quân cảnh ra giữ trật tự cho Sài Gòn tránh cảnh cướp bóc mà chỉ có những dân chúng nghèo hoi của những nơi Mỹ bỏ lại. Nếu không thế thì không còn Sài Gòn nguyên vẹn để đón Quân giải phóng” (44). Gần 28 năm sau ngày Sài Gòn giải phóng (năm 2002), Trung ương Đảng đã đánh giá về Dương Văn Minh như sau: “Tuyên bố của Dương Văn Minh và nhật lệnh của Nguyễn Hữu Hạnh cũng đã có tác dụng nhất định làm giảm ý chí đề kháng của đại bộ phận quân ngụy vào những giờ chót của chiến tranh, tạo thuận lợi để đại quân ta tiến nhanh vào Sài Gòn” (45). Về thời gian, tính từ lúc Dương Văn Minh lên nhậm chức (17 giờ 30 phút ngày 28-4-1975) cho đến khi đầu hàng (11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975) chỉ vỏn vẹn 43 tiếng đồng hồ. Rõ ràng, những việc làm của Dương Văn Minh và nội các của Dương Văn Minh vào giờ phút quyết định của chiến tranh đã tránh được bao máu đổ và tang tóc cho nhân dân Sài Gòn cũng như các tỉnh còn lại. Đó không phải là hành động của kẻ bị dồn vào thế chân tường, mà là kết quả tổng hợp tác động của sự hợp đồng tác chiến của ba mũi đầu tranh quân

sự, chính trị và binh vận; là kết quả của quá trình vận động lâu dài từ năm 1962 của người em trai Dương Văn Minh là Trung tá Dương Thanh Nhựt - và những người trong “*nhóm Dương Văn Minh*”; là truyền thống yêu nước tiềm ẩn của con người Việt Nam ở nhiều mức độ khác nhau, đến lúc có điều kiện thể hiện.

Năm là, thắng lợi vĩ đại Xuân 1975 là công lao của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, như lời Trung tướng Trần Văn Trà tuyên bố tại dinh Độc Lập (ngày 2-5-1975): “Đối với chúng ta, không có kẻ thua, người thắng mà chỉ có dân tộc ta thắng Mỹ” (46). Đóng góp vào thắng lợi chung đó có nhiều nhân tố, bên cạnh đòn tấn công của các cánh quân chủ lực còn có sự phối kết hợp của nổi dậy tại chỗ và mũi tấn công binh - địch vận. Chiến tranh đã đi qua tròn nửa thế kỷ và khi đất nước sắp bước vào kỷ nguyên mới, đây là lúc chúng ta nhìn nhận lại đóng góp của mỗi cá nhân, tổ chức trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nói chung, giai đoạn 1973-1975 nói riêng. Với những hoạt động sau Hiệp định Paris như đã trình bày, việc nghiên cứu và đánh giá vai trò cũng như đóng góp của lực lượng thứ Ba trong tiến trình cách mạng miền Nam là một vấn đề hết sức cần thiết. Vấn đề quan trọng hơn là từ sự nhìn nhận về đóng góp của các lực lượng trong thắng lợi chung của sự nghiệp giải phóng dân tộc, các cấp quản lý cần có những giải pháp nhằm khơi dậy và phát huy sức mạnh của toàn thể dân tộc, kể cả kiều bào ở nước ngoài, cùng chung tay đóng góp xây dựng đất nước trước vận hội mới.

CHÚ THÍCH

(1). Chẳng hạn: Đối với Nguyễn Văn Thiệu, lực lượng thứ Ba hoặc là không tồn tại, hoặc nếu có thì đó chỉ là sản phẩm tưởng tượng và là công cụ của

những người cộng sản. Nhà hoạt động phản chiến Hassler xác định lực lượng thứ Ba có bốn đặc điểm dễ nhận thấy là: (1) một phong trào có trụ sở tại đó

thị, (2) bắt bạo động, (3) không tìm kiếm quyền lực, (4) chống Thiệu và chống Hoa Kỳ (Alfred Hasler: "They Call it a Third Solution", in *Moral Argument and the War in Vietnam*. Nashville Aurora Publishers. 1971, tr. 202). Sam Nowmoff, Giáo sư khoa học chính trị tại Đại học McGill (Canada) cho rằng đó là "những người chống lại Thiệu, không phải là thành viên hay người ủng hộ Mặt trận (tức Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam - HCH), nhưng cũng không thù địch với nó" (Sam Nowmoff: "Why Has Thieu No Intention of Releasing Political Prisoners?", *Vietnam Cowrier*, September 1973, tr. 6).

(2). Armando Malay, Jr. Price: *The Third Force in South Vietnam, 1968-1975*. Stock Year of Publication. 1993.

(3). Edwin E. Moise: *The A to Z of the Vietnam War*. The Scarecrow Press, Inc. Lanham. Maryland. Toronto. Oxford. 2005, mục từ: THIRD FORCE.

(4). Sophie Quinn-Judge's: *The Third Force in the Vietnam War: The Elusive Search for Peace 1954-75*. Published in 2017 by I.B. Tauris & Co. Ltd London, New York, tr. 5-6.

(5). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 30 (1969), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 19.

(6). Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2005. tr. 331.

(7). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II: *Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 19.

(8). Có thể kể một số tổ chức tiêu biểu sau: Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống (do Luật sư Ngô Bá Thành sáng lập); Phong trào thi hành Hiệp định Paris; Mặt trận nhân dân cứu đói (tổ chức lớn nhất có sự tham gia của các nhóm Công giáo, Phật giáo, Hòa Hảo và Cao Đài. Linh mục Phan Khắc Từ là một trong 3 Phó Chủ tịch); Mặt trận các tôn giáo vì hòa bình, hòa hợp và hòa giải

(do Dương Văn Minh sáng lập); Lực lượng hòa hợp hòa giải dân tộc (tổ chức Phật giáo do Vũ Văn Mẫu lãnh đạo); Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris (do Ngô Bá Thành sáng lập); Ủy ban tranh đấu cho tự do báo chí và xuất bản (Dân biểu Nguyễn Văn Bình đứng đầu); Ủy ban đòi trả tự do cho tù chính trị của lực lượng thứ Ba; Ủy ban bảo vệ quyền lợi người lao động (Linh mục Phan Khắc Từ lãnh đạo); Nhóm các nhà lập pháp tranh đấu cho tự do, dân chủ và hòa bình,...

(9). Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh*. Tập 2 (1954-1975), Sơ thảo, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000, tr. 330.

(10). Việt Nam cộng hòa: *Kế hoạch đấu tranh chính trị cấp phường*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh. Ký hiệu Đệ II CH 4.545.

(11). Nguyễn Khắc Viện: *Việt Nam - Một thiên lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 466.

(12). Điều 11 của Hiệp định Paris: Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ:

- Thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, xóa bỏ thù hằn, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia.

- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do đi lại làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

(13), (14). "Dùng hòa để nghị 16 điểm của hai bên công bố tại Hội nghị St Cloud ngày 25-4-1973 của Big Minh", Tạp chí *Độc lập*, ngày 3-5-1973, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu PTtg 3.679.

(15), (16). Văn phòng Phụ tá đặc biệt về Ngoại vụ. *Báo cáo tình hình chính trị Quốc nội ngày 31-3-1973 đến ngày 14-4-1973*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu Đệ II CH 1.193.

(17). “Cuộc họp báo của bà Ngô Bá Thành”. *Báo Hòa bình*, ngày 7-10-1973. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu Đệ II CH 6.698.

(18). Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. *Hiệp định Paris về Việt Nam năm 1973 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn*, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2012, tr. 172.

(19), (20). *Tuyên ngôn của Ủy ban nhân quyền vận động hòa bình*, ngày 18-9-1974, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu Đệ II CH 1.272.

(21), (22), (23). *Tài liệu về Mặt trận nhân dân cứu đói*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu Đệ II CH 1.333.

(24), (25), (26). *Bản kiến nghị đòi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức ngày 31-10-1974*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh. Ký hiệu Đệ II CH 6.723.

(27). *Quyết định của các lực lượng, phong trào, mặt trận và đoàn thể nhân dân tranh đấu cho hòa bình, dân chủ, tự do và công bằng xã hội yêu cầu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu Đệ II CH 6.723.

(28), (29). *Cáo trạng chánh trị*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu Đệ II CH 7.669.

(30). Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, *Biên niên sự kiện Lịch sử Nam Bộ kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, Tp. Hồ Chí Minh, 2007, tr. 419.

(31). Nguyễn Cao Kỳ: *Chúng ta đã thua trận ở Việt Nam như thế nào?*. Tài liệu tham khảo. Thông tấn xã Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1985. tr. 105-106.

(32), (35). Lý Quý Chung, *Hồi ký không tên*, <https://www.quansuvn.net/index.php/topic,20425.120/wap2.html>, Truy cập ngày 11-3-2025.

(33). Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 2 (1954-1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 947.

(34), (39). Frank Snett: *Cuộc tháo chạy tán loạn*. Người dịch: Ngô Dư, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. 1985, tr. 256, 286.

(36). Theo Lý Chánh Trung: “Dương Văn Minh tuy có ý định bàn giao chính quyền cho cách mạng nhưng để tránh đổ máu, phải cân nhắc nên dùng từ ngữ gì trong thời điểm này để không tạo cơ cho Nguyễn Cao Kỳ, Trần Hữu Thanh kích động quân sĩ Sài Gòn đảo chính vào giờ chót” [Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 2 (1954-1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 941].

(37). Nguyễn Phú Đức. *Những cuộc đàm phán về hòa bình Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2010, tr. 626.

(38), (41), (44). Phát biểu của ông Nguyễn Hữu Hạnh tại Hội thảo khoa học “Đại thắng mùa Xuân 1975 - Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thời đại Hồ Chí Minh”, do Bộ Quốc phòng và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 20-4-2010. Tác giả bài viết gõ bằng ghi âm tại Hội trường.

(40), (42), (43), (45), 46. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, sdd, tr. 953, 962, 953, 999, 998.